

Bản án số: 26/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 14/09/2017

V/v: *Ly hôn*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN TỈNH NAM ĐỊNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Văn Thuận; ông Lê Thành Nam

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ngày 14 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2017/TLST – HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2017 về việc: “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 186/2017/ QĐXX- ST ngày 02 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đào Thị Hoài H, sinh năm 1957

Địa chỉ: a đường Tân H phường Q quận P thành phố M.

Bị đơn: Ông Phạm Văn N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định

Nguyên đơn (Bà H) xin giải quyết vắng mặt; bị đơn (Ông N) có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Đào Thị Hoài H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Phạm Văn N lấy nhau năm 1982. Khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND quận 11 thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc có hai con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên va chạm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Bà H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn ông N.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Phạm Đào Minh T, sinh năm 1984 và cháu Phạm Đào Minh N1, sinh năm 1986. Các cháu đã trưởng thành có gia đình riêng, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai, và lời trình bày tại phiên toà ông Phạm Văn N trình bày: Về thời gian điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra do bất đồng quan điểm, thường xuyên va chạm. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng cũng đã cố gắng hàn gắn thay đổi nhưng không được, ông bà sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2011 đến nay. Bà H có đơn xin ly hôn ông nhất trí vì xác định không còn tình cảm.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân ông N nhất trí như lời trình bày của bà H và không yêu cầu Toà án giải quyết.

XÉT THẤY

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn thì Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật “Ly hôn”. Bị đơn cư trú tại huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình Tòa án giải quyết, bà Đào Thị Hoài H có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 207, 227 của Bộ Luật tố tụng dân sự, Tòa án huyện Ý Yên tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] *Về nội dung*: Bà Đào Thị Hoài H và ông Phạm Văn N kết hôn năm 1982, có đăng ký kết hôn tại UBND quận 11 thành phố Hồ Chí Minh nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên va chạm làm cho cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Bà H và ông N đã sống ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ năm 2011 đến nay. Bà H làm đơn xin ly hôn ông N cũng đồng ý. Xét quan hệ hôn nhân của ông bà đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn

của bà H xử lý hôn cho ông bà là phù hợp với quy định tại điều 56 luật HNGĐ năm 2014.

Về con chung, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Bà H ông N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56 luật hôn nhân và gia đình; căn cứ vào các Điều 28; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật TTDS; Căn cứ nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử lý hôn giữa bà Đào Thị Hoài H và ông Phạm Văn N. Quan hệ hôn nhân của ông bà chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân: Bà H, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà H phải nộp là 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BB/2012/08332 ngày 21/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên. Bà H đã nộp đủ.

Bà H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Ông N được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Ý Yên;
- T.H.A huyện Ý Yên;
- Các đương sự;
- UBND xã T;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

Họ và tên người khởi kiện: Đào Thị Hoài H, sinh năm 1957

Địa chỉ: 94/32a đường Tân H phường Tân Quý quận Tân Phú thành phố Hồ Chí Minh.

Họ và tên người bị kiện: Phạm Văn N, sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Nam Định

Yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Huyện Ý Yên tỉnh Nam Định, giải quyết những vấn đề sau đối với người bị kiện:

Tình cảm: Tôi và anh phạm Văn N lấy nhau năm 1983. Khi cưới có đăng ký kết hôn tại UBND quận 11 thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi cưới vợ chồng sống hạnh phúc có hai con chung thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên va chạm. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin ly hôn anh N. Đề nghị Tòa án huyện Ý Yên tỉnh nam Định giải quyết cho tôi được ly hôn anh N.

Con chung: Có hai con chung là cháu Phạm Đào Minh Thu, sinh năm 1984 và cháu Phạm Đào Minh Nguyệt, sinh năm 1986. Các cháu đã trưởng thành có gia đình riêng. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, công nợ và các vấn đề khác có liên quan đến hôn nhân không có không yêu cầu Tòa án giải quyết.